

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2023/DS-ST
Ngày: 20/4/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoa Kiều;
- Bà Đặng Thị Mỹ Hạnh;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang:** Không tham gia.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, và quyết định hoãn phiên toà số 53/2023/QĐST-DS ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Mai Hữu F – sinh năm 1990.

Địa chỉ: số 178 Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

* **Bị đơn:** Chị Ngô Trang Mỹ G – sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 13, Ô 4, Khu 1, thị trấn A, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Anh Nguyễn Tấn H – sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền của chị G, anh H: Anh Trần Thanh K – sinh năm 1978 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/02/2023);

Địa chỉ: Số 78A, ấp O, xã L, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Anh F có mặt, anh K có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản H giải nguyên đơn anh Mai Hữu F trình bày:*

Vào ngày 28/9/2022, anh có cho vợ chồng chị G, anh H vay số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), trả lãi theo thỏa thuận (miệng), thời hạn vay là một tuần sau khi ký biên nhận; ngày 30/9/2022 thì chị G, anh H mượn tiếp số tiền 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), thời hạn là một tuần sau khi ký biên nhận, trả lãi theo thỏa thuận. Tổng cộng vợ chồng anh H, chị G nợ anh F số tiền là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Đến hạn trả nợ nhưng anh H, chị G không thực hiện. Nay anh khởi kiện yêu cầu chị G, anh H trả cho anh số tiền nợ là 2.500.000.000 đồng, đồng ý căn trừ số tiền lãi 200.000.000 đồng đã nhận, thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, anh không yêu cầu chị G, anh H trả lãi đối với số tiền trên.

** Theo đại diện uỷ quyền bị đơn chị Ngô Trang Mỹ G và anh Nguyễn Tấn H trình bày:*

Vợ chồng anh H, chị G thừa nhận có vay tiền của anh Mai Hữu F là 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bảy trăm triệu đồng) theo hai biên nhận nêu trên và có trả 200.000.000 đồng tiền lãi cho anh F. Nay vợ chồng anh H, chị G xin anh F trừ 200.000.000 đồng tiền lãi đã nhận vào tiền vốn, đồng ý trả số tiền 2.500.000.000 đồng theo phương thức 03 tháng sau anh chị H, G trả 300.000.000 đồng, 03 tháng tiếp theo trả 300.000.000 đồng và mỗi tháng sẽ trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên.

*** Tại phiên tòa:** Anh Mai Hữu F vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị G, anh H trả cho anh số tiền vốn vay còn nợ là 2.500.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, anh F không yêu cầu chị G, anh H trả lãi đối với số tiền trên.

Anh K là đại diện uỷ quyền của bị đơn chị G, anh H có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời trình bày trước đây.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Mai Hữu F yêu cầu khởi kiện chị G, anh H trả cho anh số tiền vay 2.500.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản H giải, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh F và vợ chồng chị G, anh H có xác lập quan hệ vay mượn tiền cụ thể: Lần 1 vào ngày 28/9/2022 vợ chồng chị G, anh H vay của anh F số tiền 2.000.000.000 đồng, trả lãi theo thỏa thuận, thời hạn vay là một

tuần sau khi ký biên nhận; Lần 2: ngày 30/9/2022 thì chị G, anh H mượn tiếp số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn là một tuần sau khi ký biên nhận, trả lãi theo thỏa thuận. Anh Mai Hữu F thừa nhận vợ chồng anh H, chị G có trả được 200.000.000 đồng, nên vợ chồng G, H còn nợ lại 2.500.000.000 đồng. Từ đó đến nay thì vợ chồng anh H, chị G không thực hiện, cố tình né tránh nên đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh F. Nay anh F khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Tấn H, chị Ngô Trang Mỹ G phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng) không tính lãi suất là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về thời gian trả: Anh Mai Hữu F yêu cầu chị G, anh H trả số tiền 2.500.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn chị G, anh H xin được trả dần số tiền nợ nêu trên, anh Mai Hữu F không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh F và chị G, anh H thỏa thuận thời hạn vay là một tuần kể từ ngày ký kết biên nhận, cho đến nay quá thời hạn đã lâu chị G, anh H không trả tiền theo thỏa thuận đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh F. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh F, buộc chị G, anh H trả số tiền 2.500.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Chị G, anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 1, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hữu F.

Buộc chị Ngô Trang Mỹ G và anh Nguyễn Tấn H có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Mai Hữu F số tiền nợ vay là 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh F có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị G, anh H chậm trả số tiền nêu trên thì chị G, anh H còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Chị G, anh H phải chịu 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Mai Hữu F số tiền 43.000.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0025434 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Nguyễn Thị Ánh Hồng**